

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 12-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa.

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Đ - sinh năm 1979, nơi sinh và nơi cư trú: 6/52 đường Ng, Khu L, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Vũ Thị Kh; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/5/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Th - sinh năm 1989, nơi sinh và nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị D; có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 24/01/2019 của TAND huyện Cẩm Giàng xử phạt 17 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/5/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn Th - sinh năm 1998, nơi sinh và nơi cư trú: thôn Th, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị H; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/5/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty TNHH S.

Địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K - Sinh năm 1964. Quốc tịch Hàn Quốc - chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt). Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H - Sinh năm 1983 - chức vụ: Trưởng phòng HC-NC công ty TNHH S. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH C.

Địa chỉ: Lô 1 Khu công nghiệp B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Thu H - Sinh năm 1977, chức vụ: Phó giám đốc bộ phận văn phòng Tổng giám đốc. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phạm Duy Kh - Sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: 287 N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Vũ Văn Th - Sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã Th, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê Đức T - Sinh năm 1973 và chị Bùi Kim Nh - Sinh năm 1974. Vắng mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn X, xã Ph, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Vũ Văn L - Sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 14 V, phường T, thành phố Hải Dương.

-Anh Lò Văn Nh - Sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La.

-Chị Vũ Thị Th - Sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã K, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đỗ Thị Huế - Sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 78 Khu Thượng Đạt, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương.

-Chị Nguyễn Thị Phương D - Sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5 thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

-Chị Nguyễn Thị Hoàn H - Sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

- Chị Phạm Thị Th - Sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

-Anh Nguyễn Văn D - Sinh 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu X, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

-Chị Trần Thị H - Sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Lô 16.23 V, KĐT phía T, phường T, TP H, tỉnh Hải Dương.

-Anh Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1963. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 10E/10 Ng, phường Ng, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

-Anh Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1975. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

-Anh Lưu Văn Đ - Sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

-Anh K - Sinh năm 1967. Vắng mặt.

Địa chỉ: 32 Ph, Khu dân cư Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

-Anh Vũ Hồng M - Sinh năm 1966. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

-Chị Lê Thị Th - Sinh năm 1981

Địa chỉ: 6/52 Ng, phường T, thành phố Hải Dương

-Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1999. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Ông Nguyễn Văn S - Sinh năm 1963. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty V), được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên đăng ký lần đầu ngày 22/02/2008, có địa chỉ trụ sở chính tại khu công nghiệp Đ, Phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, người đại diện theo pháp luật là ông K sinh năm 1964, quốc tịch Hàn Quốc, chỗ ở: Nhà số 23 khu dân cư Đ, phường T, thành phố H. Chủ sở hữu là Công ty TNHH SH có địa chỉ trụ sở chính tại 53, *je 3(sam) ga 3-gil, S, A, G, Hàn Quốc*. Tháng 7/2017, Công ty V ký hợp đồng bán hàng hóa là linh kiện điện tử với Công ty TNHH C (sau đây viết tắt là Công ty C), địa chỉ khu công nghiệp B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Theo hợp đồng và thỏa thuận giữa hai công ty thì Công ty C sau khi nhận linh kiện sẽ chuyển cho Công ty V các vỏ thùng nhựa để đựng các linh kiện trong quá trình vận chuyển từ công ty V đến Công ty C. Việc vận chuyển linh kiện và vỏ thùng nhựa do phía Công ty V chịu trách nhiệm. Để thực hiện việc vận chuyển hàng hóa theo hợp đồng với Công ty C, Công ty V đã ký kết các Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số SH-PD 01-2017./HĐTX ngày 01/7/2017, số SH-PD 07-2018./HĐTX ngày 01/7/2018 với Công ty Cổ phần xây dựng và sản xuất nhựa Ph (gọi tắt là công ty Ph), địa chỉ số 22/13 Q, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Khoảng tháng 5/2018, Công ty Ph điều động Ph là lái xe ô tô biển số 34C-210... của công ty, đến nhận hàng hóa là linh kiện điện tử đựng trong các vỏ thùng bằng nhựa tại kho của Công ty V, vận chuyển đến Công ty C giao linh kiện điện tử, sau đó nhận lại các vỏ thùng nhựa khác (không chứa linh kiện) từ Công ty C vận chuyển về giao lại cho tổ kho của Công ty V. Quá trình nhận, bàn giao hàng hóa nêu trên, Đăng phát hiện sự sơ hở trong quản lý giao, nhận các vỏ thùng nhựa với tổ kho của Công ty N và khi xe ô tô chở hàng từ kho của Công ty ra ngoài không chịu sự kiểm tra, kiểm soát của bảo vệ công ty nên Đ nảy sinh

ý định sẽ liên hệ với nhân viên tổ kho để chiếm đoạt các vỏ thùng nhựa bán lấy tiền sử dụng cá nhân. Để thực hiện mục đích của mình, Đăng liên hệ với người thu mua phế liệu là vợ chồng anh Lê Đức T sinh năm 1973, chị Bùi Kim Nh, sinh năm 1974, địa chỉ thôn X, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên thỏa thuận về việc mua, bán các vỏ thùng nhựa với giá 4.500đồng/kg; khi liên hệ Đ nói nguồn gốc vỏ thùng nhựa là sản phẩm của công ty thanh lý nên anh T, chị Nh đồng ý mua.

Đến khoảng giữa tháng 7/2018, Đăng đặt vấn đề với Nguyễn Văn Th là tổ trưởng tổ kho của Công ty V có nhiệm vụ quản lý kho, thực hiện việc xuất, nhập hàng hóa, vỏ thùng nhựa tại kho. Đ sẽ bán các vỏ thùng nhựa trên đường vận chuyển từ Công ty C về Công ty V, khi về kho của công ty thì Th ký nhận không vào phiếu giao nhận vỏ. Số tiền bán vỏ nhựa sẽ chia đều, Th đồng ý. Đăng lái xe ô tô tải biển số 34C-210... nhận vỏ thùng nhựa từ Công ty C để vận chuyển về công ty V, cụ thể các lần Đ và Th thực hiện gồm:

Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ 20 phút, ngày 06/8/2018 nhận 144 vỏ thùng nhựa ký hiệu P448.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ 35 phút, ngày 11/8/2018 nhận 148 vỏ thùng nhựa gồm 16 thùng ký hiệu P436 và 132 thùng ký hiệu P448.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 13/8/2018 nhận 96 vỏ thùng nhựa ký hiệu P436.

Lần thứ tư: Khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 16/8/2018 nhận 192 vỏ thùng nhựa ký hiệu P436.

Lần thứ năm: Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 28/8/2018 nhận 256 thùng nhựa gồm 84 thùng ký hiệu P808, 21 thùng ký hiệu P612 (300/70), 07 thùng ký hiệu P812 và 144 thùng ký hiệu P436.

Tất cả các lần trên Đ chở từ công ty C về công ty V nhưng khi đến địa phận huyện M, tỉnh Hưng Yên, Đ đã bán hết số vỏ thùng nhựa này cho vợ chồng anh T, chị Nh. Khi về Công ty V, Đ đưa cho Th ký nhận không vào phiếu giao, nhận vỏ thùng nhựa. Tổng số vỏ thùng nhựa Đ và Th đã chiếm đoạt 5 lần là 836 chiếc, Đ bán cho vợ chồng anh T, chị Nh với số tiền mỗi chuyến khoảng 4.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng; việc mua bán không lập thành giấy tờ. Khi về Công ty V thì Đăng chia cho Th $\frac{1}{2}$ số tiền bán được; hai người đã sử dụng hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 941 ngày 14/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hải Dương về giá từng chiếc vỏ thùng có ký hiệu các loại P448, P436, P808, P612 (300/70), P812 và do không xác định được mã từng loại trong tổng số 836 chiếc vỏ thùng có ký hiệu trên nên tính theo giá trị thấp nhất tại từng thời điểm Phạm Văn Đ và Nguyễn Văn Th chiếm đoạt thì 836 chiếc vỏ thùng nhựa có tổng giá trị **260.878.205** đồng.

Ngoài việc hợp đồng vận chuyển hàng từ Công ty V đến Công ty C và ngược lại thì giữa Công ty V và Công ty Ph còn thỏa thuận về việc vận chuyển hai chiều đối với hàng hóa, vỏ thùng nhựa từ trụ sở công ty sang kho chứa hàng của Công ty V ở khu công nghiệp Đ, cách trụ sở công ty khoảng 03 km. Khoảng

đầu tháng 8/2018, Đăng biết việc vận chuyển hàng từ kho ra khỏi khu Công nghiệp Đ không chịu sự kiểm tra của bảo vệ nên đã đặt vấn đề với Phạm Văn Th là công nhân tổ kho của Công ty V có nhiệm vụ quản lý xuất hàng, sắp xếp hàng hóa trong kho, nhận hàng hóa trong quá trình luân chuyển giữa trụ sở công ty và kho, hỗ trợ các công việc quản lý kho thành phẩm, sắp xếp pallet, thùng hàng, dọn dẹp kho hàng, về việc Đ cùng Th sẽ lấy các vỏ thùng nhựa tại kho sau đó mang đi bán lấy tiền chia nhau, Th đồng ý. Sau đó, Th và Đ đã chiếm đoạt vỏ thùng nhựa của Công ty V bán, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Chiều ngày 04/8/2018, sau khi vận chuyển hàng từ trụ sở công ty sang kho thì Đ đã gọi điện cho em họ là Vũ Văn L, sinh năm 1986, cư trú tại số 14 V, phường T, thành phố Hải Dương để thuê Lực lái xe ô tô tải chở vỏ thùng nhựa đến Hưng Yên với giá cước vận chuyển là 500.000đồng; khi thuê Đ nói là hàng thanh lý của công ty. Sau đó, Lực lái xe ô tô tải biển số 34C-171.... cùng Đ đến kho của Công ty V gặp Th. Th sử dụng xe nâng chuyển các vỏ thùng nhựa lên thùng xe tải để Đ xếp vào trong thùng xe với tổng số 144 vỏ thùng nhựa ký hiệu P436 và P448. Sau đó Th, Đ và L chở số vỏ thùng nhựa này đến nhà của anh T, chị N tại xã Ph, huyện Ân, tỉnh Hưng Yên bán được 3.200.000 đồng; Đ trả cho L 500.000 đồng tiền cước vận chuyển và cho thêm 500.000 đồng; Đ và Th mỗi người được hưởng 1.100.000 đồng.

- *Lần thứ hai:* Chiều ngày 19/8/2018, Th và Đ tiếp tục lấy 144 vỏ thùng nhựa ký hiệu P436 và P448 tại kho của công ty. Đ thuê Lực lái xe chở các vỏ thùng nhựa cùng Đ đi đến nhà anh T, chị Nh bán được khoảng 5.000.000 đồng, Đ trả cho L 500.000 đồng tiền cước vận chuyển và cho thêm 500.000 đồng; Đ và Th mỗi người được hưởng 2.000.000 đồng.

- *Lần thứ ba:* Chiều ngày 16/9/2018, theo thỏa thuận trước với Đ về việc lấy các vỏ thùng nhựa từ kho của công ty bán, nhưng do không cầm chìa khóa của kho nên Th đã nói dối anh L, sinh năm 1992, trú tại khu T, phường T là công nhân tổ kho lấy cho Th chìa khóa của kho để Th nhập vỏ thùng nhựa. Th và Đ tiếp tục lấy 144 vỏ thùng nhựa ký hiệu P436 và P448 từ kho đưa lên thùng xe ô tô của L. Sau đó Đ và L chở số vỏ thùng nhựa bán cho vợ chồng anh T, chị Nh. Đ trả cho L 500.000 đồng tiền cước vận chuyển và cho 500.000 đồng; còn lại Đ và Th mỗi người được hưởng 2.000.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 941 ngày 14/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hải Dương về giá từng chiếc vỏ thùng có ký hiệu P436, P448 và do không xác định được mã từng loại trong tổng số 432 chiếc vỏ thùng có ký hiệu trên nên tính theo giá trị thấp nhất tại từng thời điểm Phạm Văn Đ và Phạm Văn Th chiếm đoạt thì 432 chiếc vỏ thùng nhựa có tổng giá trị **147.783.960** đồng.

Tại Kết luận giám định số 35 ngày 23/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: 04 (bốn) phiếu giao nhận vỏ (liên 1) đề các ngày 11/8/2018, 13/8/2018, 16/8/2018, 28/8/2018 có chữ ký dạng chữ viết “Đ” ở mục “Vận chuyển” và mục “Vận chuyển” (nhận) là do Phạm Văn Đ ký ra; 04

(bốn) phiếu giao nhận vở (liên 2) đề các ngày 06/8/2018, 11/8/2018, 13/8/2018, 16/8/2018 có chữ ký tại mục “Ghi chú” là do Nguyễn Văn Th ký ra; Không đủ cơ sở kết luận chữ ký xác nhận tại mục “Ghi chú” trên phiếu giao nhận vở ghi ngày 28/8/2018 với chữ ký của Nguyễn Văn Th trên tài liệu các mẫu so sánh có phải do một người ký ra hay không; nhưng Th thừa nhận là chữ ký của mình.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS-P1 ngày 27/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã truy tố Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn Th về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự; Phạm Văn Th về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận do được công ty tin tưởng giao quản lý tài sản, nhưng lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản nên các bị cáo đã bán các thùng nhựa đựng hàng hóa của công ty để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Các bị cáo đã tích cực đề nghị gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho công ty nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt. Đối với việc bồi thường thiệt hại, các bị cáo nhất trí bồi thường cho công ty V theo kết quả định giá tài sản, nếu số tiền bồi thường chưa đủ sẽ phải bồi thường tiếp số tiền còn thiếu. Tất cả các bị cáo đều xác định nếu số tiền đã bồi thường còn thừa thì không có nguyện vọng lấy lại mà để trả cho công ty V.

Bị hại vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử đã nhận được tiền bồi thường của gia đình bị cáo Đ là 100.000.000đ, gia đình bị cáo Th 10.000.000đ, Th là 75.000.000đ. Đề nghị các bị cáo tiếp tục bồi thường theo quy định. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện công ty C xác định các hợp nhựa đựng linh kiện là của công ty C cho công ty V mượn theo hợp đồng cho mượn giữa hai công ty. Việc công ty V làm mất mát, hư hỏng thì phải chịu trách nhiệm theo hợp đồng, sau này hai công ty sẽ giải quyết với nhau sau. Do vậy, trong vụ án này Công ty C không có đề nghị xem xét giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58 của BLHS đối với bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Văn Th1, áp dụng thêm Điều 54 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Th1. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và 58 của BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn Th từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 của BLDS, Điều 89 và 106 của BLTTDS buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải bồi thường số tiền 104.331.082đ, bị cáo Nguyễn Văn Th1 phải bồi thường số tiền là

120.439.102đ, bị cáo Phạm Văn Th1 đã bồi thường xong. Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ đối với 04 phiếu giao nhận vỏ thùng nhựa. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đ, Th còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và những người làm chứng, bị hại, cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận. Trong các ngày 06/8/2018, 11/8/2018, 13/8/2018, 16/8/2018, 28/8/2018, Phạm Văn Đ là nhân viên lái xe Công ty Cổ phần xây dựng và sản xuất nhựa Ph có ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa, vỏ thùng nhựa với Công ty TNHH S đã 05 lần cùng với Nguyễn Văn Th là tổ trưởng tổ kho Công ty TNHH S chiếm đoạt và bán 836 vỏ thùng nhựa đựng linh kiện điện tử có tổng giá trị 260.878.205 đồng sau khi nhận từ Công ty TNHH C trên đường vận chuyển về Công ty TNHH S, sau đó Đ và Th hợp thức ký giao nhận không trên phiếu giao nhận vỏ. Trong các ngày 04/8/2018, 19/8/2018 và ngày 16/9/2018 Phạm Văn Đ cùng với Phạm Văn Th là nhân viên tổ kho của công ty TNHH S khi thực hiện nhiệm vụ quản lý việc xuất, nhập hàng hóa và vỏ thùng nhựa tại kho của công ty đã lạm dụng, gian dối cùng với Phạm Văn Đ 03 lần chiếm đoạt và bán tổng số 432 vỏ thùng nhựa với tổng giá trị là 147.783.960 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản của người khác. Các bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của các công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ vận chuyển, quản lý việc xuất, nhập hàng hóa và vỏ thùng nhựa tại kho của công ty S nên đã gian dối trong việc nhập thùng nhựa để chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do giá trị tài sản Đ, Th1 chiếm đoạt là 260.878.205 nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của BLHS, bị cáo Th1 cùng Đ chiếm đoạt tài sản trị giá là 147.783.960 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của BLHS. Như vậy, VKSND tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[2] Về vị trí, vai trò của các bị cáo, HĐXX xét thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Phạm Văn Đ là người đề xuất, khởi xướng và trực tiếp tham gia thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 408.662.165 đồng nên giữ vai trò thứ nhất. Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th tích cực tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm với Phạm Văn Đ. Giữa Th và Th1 thực hiện hành vi độc lập nên không đồng phạm với nhau.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Bị cáo Phạm Văn Đ,

Phạm Văn Th1 là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Th có nhân thân không tốt: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 24/01/2019 của TAND huyện Cẩm Giàng xử phạt Th 17 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự về hành vi trộm cắp tài sản thực hiện ngày 06/10/2018. Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi hành vi đều cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng Phạm tội 02 lần trở lên, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều tác động để gia đình tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo đều có người thân là ông nội là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân, Huy chương, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo Đ là người có vai trò chính, nhiều tình tiết giảm nhẹ, tích cực bồi thường cho bị hại nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo và mức hình phạt cao hơn bị cáo Th. Bị cáo Thành có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS bị cáo, tích cực bồi thường thiệt hại nên cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo Đăng và dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 của BLHS. Bị cáo Th1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tích cực bồi thường thiệt hại, giá trị tài sản bị cáo cùng với Đ chiếm đoạt ít hơn so với giá trị tài sản do Đ và Th chiếm đoạt nên cần áp dụng mức hình phạt thấp nhất so với hai bị cáo trên.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hải Dương đã thu giữ 04 Phiếu giao nhận vở liên 1 đề các ngày 11/8/2018, 13/8/2018, 16/8/2018, 28/8/2018 do Công ty CANON giao nộp, 05 phiếu giao nhận vở liên 2 đề các ngày 06/8/2018, 11/8/2018, 13/8/2018, 16/8/2018, 28/8/2018 do Công ty VINA giao nộp để phục vụ công tác điều tra và được tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với điện thoại di động do Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th1, Nguyễn Văn Th sử dụng liên lạc với nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội đã bị hỏng, mất nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với các thùng nhựa các bị cáo đã bán cho người thu mua phế liệu và đã bị xử lý hết số thùng nhựa nên không thu hồi được, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ và Th chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị là 260.878.205 đồng nên hai bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền trên, cụ thể: bị cáo Đăng phải bồi thường 130.439.102đ, bị cáo Thành phải bồi thường là 130.439.102đ, đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp số tiền 120.439.102đ. Bị cáo Đ và Th1 chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị là 147.783.960đ nên hai bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền trên, cụ thể: Bị cáo Đ phải bồi thường 73.891.980đ, Th1 phải bồi thường là 73.891.980đ đã bồi thường 75.000.000, còn thừa 1.108.000đ (làm tròn) bị cáo Thắng tự nguyện bồi thường thêm cho công ty V nên cần chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo. Tổng số tiền Đ còn phải bồi thường cho bị hại là $130.439.102đ + 73.891.980đ = 204.331.000đ$ (làm tròn), đã bồi thường tổng $100.000.000đ + 1.108.000đ$ số tiền bị cáo Th bồi thường, do vậy bị cáo Đ chỉ còn phải bồi thường 103.223.000đ (làm tròn). Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 48 của BLHS, các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Đối với các tài sản là các hộp nhựa do công ty C cho công ty V mượn theo hợp đồng cho mượn giữa hai công ty, sau này các bên tự xem xét giải quyết với nhau, trong vụ án này công ty C không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự. Bị cáo Đ, Th phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Bị cáo Th1 đã bồi thường xong trước khi xét xử sơ thẩm nên không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Như vậy phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại gì.

[10] Quá trình điều tra, xét thấy Vũ Văn L vận chuyển thuê số vỏ thùng nhựa cho Phạm Văn Đ mang đi bán không biết là tài sản do Th1, Đ chiếm đoạt; anh Lò Văn Nh khi đưa chìa khóa kho cho Phạm Văn Th không biết mục đích của Th1; anh Lê Đức T, chị Bùi Kim Nh khi mua số vỏ thùng nhựa và anh Phạm Duy Kh khi giới thiệu Đ bán vỏ thùng nhựa cho anh T, chị Nh không biết là tài sản do Đ chiếm đoạt nên không có căn cứ kết luận hành vi của L có dấu hiệu đồng phạm với Th1, Đ; không có căn cứ xác định hành vi của anh Kh, anh T, chị Nh có dấu hiệu tội phạm Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có hay tội phạm khác. Đối với việc Công ty TNHH S trình báo bị mất khoảng hơn 10 nghìn thùng với tổng giá trị hơn 04 tỷ đồng, Cơ quan điều tra mới làm rõ được Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th1, Nguyễn Văn Th thực hiện hành vi chiếm đoạt 1.268 vỏ thùng nhựa với tổng giá trị 408.662.165 đồng, số tài sản còn lại sẽ tiếp tục xác minh khi làm rõ được ai là người thực hiện hành vi chiếm đoạt sẽ xử lý sau. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn Th. Áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Th.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Th1.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 587, Điều 589, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1 phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/5/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/5/2019.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn Th phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH S số tiền là 260.878.200đ (làm tròn) (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng). Bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn Th1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH S số tiền 147.784.000đ (làm tròn) (Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng). Trong đó:

Bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi thường cho Công ty TNHH S tổng số tiền là 130.439.000đ (làm tròn), đã bồi thường 10.000.000, còn phải bồi thường tiếp số tiền 120.439.000đ (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Văn Th1 phải bồi thường cho Công ty TNHH S tổng số tiền là 73.891.980đ, đã bồi thường 75.000.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn Th bồi thường thêm số tiền còn thừa là 1.108.000đ (làm tròn) (Một triệu một trăm linh tám nghìn đồng) cho Công ty TNHH S.

Bị cáo Phạm Văn Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH S tổng số tiền là 203.223.082đ (làm tròn), đã bồi thường tổng 100.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp số tiền 103.223.000đ (làm tròn) (Một trăm linh ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án đối với 04 Phiếu giao nhận vở (liên 1) đề các ngày 11/8/2018, 13/8/2018, 16/8/2018, 28/8/2018 do Công ty CANON giao nộp, 05 phiếu giao nhận vở (liên 2) đề các ngày 06/8/2018, 11/8/2018, 13/8/2018, 16/8/2018, 28/8/2018 do Công ty VINA giao nộp.

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Phạm Văn Th1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm hình sự.

Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 5.161.200đ (làm tròn) (Năm triệu một trăm sáu mươi một nghìn hai trăm đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 6.022.000đ (làm tròn) (Sáu triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự.

6. Về quyền kháng cáo.

Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT, CQ T.H.A hình sự, Phòng nghiệp vụ Công an tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, lưu Tòa, lưu Văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân

